

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Luân Văn Lý

2. Ông Long Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Thế Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1980.

HKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 01, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thanh H - sinh năm 1984.

HKTT: tổ 01, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: xóm 11, xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đinh Thanh H kết hôn năm 2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Chung, thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, ông và bà H đều là lao động tự do.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bà H có quan hệ ngoài hôn nhân. Vợ chồng xảy ra cãi vã nhiều lần, không có xô xát. Mâu thuẫn xảy ra thường xuyên và liên tục. Gia đình hai bên và tự bản thân vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung gồm Nguyễn Thành T – sinh ngày 28/4/2009 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Ngọc A – sinh ngày 24/02/2013 (Giới tính: Nữ). Trong trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc hai người con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm 01 (một) nhà cấp 4, xây dựng năm 2013 trên diện tích đất của hai vợ chồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 (một) xe máy Honda SH. Số tài sản này ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/6/2023, bị đơn Đinh Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn và chung sống từ năm 2007, được tìm hiểu, tự nguyện, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Sau khi cưới vợ chồng bà về chung sống và ở riêng tại tổ 01, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Vợ chồng không ai có tài sản riêng trước khi kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do kinh tế và không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn nên ông T xin ly hôn bà nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung gồm Nguyễn Thành T – sinh ngày: 28/4/2009 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Ngọc A – sinh ngày: 24/02/2013 (Giới tính: Nữ). Trong trường hợp ly hôn, bà nhất trí để ông T trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc hai người con chung. Về cấp dưỡng nuôi con hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Hiện nay, bà đang làm tóc ở thành phố Thái Nguyên, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm 01 (một) căn nhà xây 03 tầng trên thửa đất diện tích 70m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng bà; 01 (một) xe máy Honda SH. Khi ly hôn bà không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản mà bà và ông T sẽ tự thỏa thuận về tài sản. Sau khi cháu Nguyễn Thành T trưởng thành bà sẽ chuyển nhượng nhà đất lại cho cháu T. Về nợ chung: Vợ chồng bà không vay nợ ai và không cho ai vay.

Bà nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng là cơ quan giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Văn T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2023, cháu Nguyễn Thành T trình bày: Cháu là con chung của bố Nguyễn Văn T và mẹ Đinh Thanh H. Trong thời gian bố mẹ chung sống, bố mẹ thường hay xảy ra cãi vã. Đến khoảng năm 2021 mẹ đã bỏ nhà đi, không còn chung sống với bố con cháu nữa. Từ khi đi mẹ rất ít khi về thăm bố con cháu. Nếu bố mẹ không còn chung sống, cháu muốn sống với bố.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2023, cháu Nguyễn Ngọc A trình bày: Cháu là con chung của bố Nguyễn Văn T và mẹ Đinh Thanh H. Bố mẹ đã không còn sống chung từ khoảng năm 2021. Hiện nay, cháu và anh trai đang sống với bố. Từ khi mẹ bỏ đi rất ít khi về thăm bố con cháu. Nếu bố mẹ không sống với nhau nữa cháu muốn sống với bố vì bố là người quan tâm chăm sóc cháu tốt nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 39, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Đinh Thanh H.

Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Thành T – sinh ngày 28/4/2009 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Ngọc A – sinh ngày 24/02/2013 (Giới tính: Nữ) cho ông T trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bà Đinh Thanh H. Bà H hiện nay đang cư trú tại xóm 11, xã C, huyện

Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2023, bà H nhất trí để Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng là cơ quan giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, có đơn yêu cầu vắng mặt tất cả các hoạt động tố tụng tại Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thanh H kết hôn vào ngày 10/10/2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hai bên đương sự đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông T cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bà H có quan hệ ngoài hôn nhân còn bà H lại cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế và không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Cả hai bên đương sự cũng đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông T và bà H đã thực sự không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[4]. Về con chung: Quá T chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thành T – sinh ngày 28/4/2009 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Ngọc A – sinh ngày 24/02/2013 (Giới tính: Nữ). Cả hai bên đương sự đều thống nhất giao 02 con chung cho ông T trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Qua việc lấy lời khai của Tòa án đối với hai con chung, hai con chung này cũng đều có nguyện vọng được ở với ông T trong trường hợp ông T và bà H không chung sống với nhau. Như vậy, cần giao 02 con chung cho ông T trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H đưa ra ý kiến phân cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, tuy nhiên ông T xác định không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Đinh Thanh H.

[2]. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Thành T – sinh ngày 28/4/2009 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Ngọc A – sinh ngày 24/02/2013 (Giới tính: Nữ) cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003377 ngày 19/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai